

DANH SÁCH HS-SV CÒN NỢ HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2016-2017
KHOA CN MAY-THỜI TRANG
(Tính đến hết ngày 24/06/2017)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	16000921	Tạ Hoàng Yến Linh	16CĐ-MTT1	17/04/1998	
2	16001613	Nguyễn Thành Luân	16CĐ-MTT1	10/05/1998	
3	16003660	Dương Hồng Trúc	16CĐ-MTT1	11/07/1998	
4	16001512	Trịnh Thị Như Ý	16CĐ-MTT1	12/11/1998	
5	16003017	Lê Nhật Hà	16CĐ-MTT2	02/12/1998	
6	16003782	Nguyễn Thị Ninh	16CĐ-MTT2	25/02/1997	
7	16003305	Văn Thị Bích Quân	16CĐ-MTT2	12/07/1997	
8	16000663	Trần Ngọc Lan Anh	16TC-MTT	04/05/2001	
9	16000146	Nghiêm Xuân Duy Bảo	16TC-MTT	07/03/2000	
10	16002913	Phạm Thành Đạt	16TC-MTT	22/09/2000	
11	16000379	Nguyễn Ngọc Minh Dung	16TC-MTT	29/11/2000	
12	16000549	Lưu Thị Hoàng Hiền	16TC-MTT	20/06/2001	
13	16003097	Nguyễn Hoàng Kiều	16TC-MTT	05/03/2001	
14	16000060	Nguyễn Thị Linh	16TC-MTT	22/07/2001	
15	16000408	Nguyễn Kim Nga	16TC-MTT	23/08/2001	
16	16000551	Nguyễn Thanh Nhân	16TC-MTT	18/07/2000	
17	16002940	Trần Vương Hồng Phúc	16TC-MTT	30/12/1996	
18	16000159	Lê Thị Tâm	16TC-MTT	22/04/2001	
19	16000358	Nguyễn Ngọc Lam Thùy	16TC-MTT	16/12/2001	
20	16000624	Huỳnh Hữu Thuyết	16TC-MTT	08/09/2001	
21	16000438	Trần Thanh Trúc	16TC-MTT	29/09/2001	
22	15001560	Nguyễn Thị Ái Trâm	15CĐ-MTT1	02/09/1997	
23	15000960	Phạm Văn Trường	15CĐ-MTT1	21/03/1997	
24	15001601	Hoàng Thị Cúc	15CĐ-MTT2	13/12/1995	
25	15002220	Nguyễn Hữu Ái My	15CĐ-MTT2	29/08/1996	
26	15002133	Phạm Văn Xuyên	15CĐ-MTT2	19/10/1997	
27	15002951	Lê Huyền Thuý An	15TCN-MTT	07/10/1999	
28	15003378	Trần Thị Thanh Hằng	15TCN-MTT	08/02/2000	
29	15000063	Nguyễn Mai Hương	15TCN-MTT	10/10/2000	
30	15000870	Nguyễn Ngọc Anh Thư	15TCN-MTT	19/08/1993	
31	15002258	Phạm Vũ Quế Trân	15TCN-MTT	20/02/2000	
Tổng cộng: 31 HS-SV					

Ngày 29 tháng 06 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



PHẠM HỮU LỘC